

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng: 01 (Đợt 1)**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 26 – 27/01/2021

**Ngày cung cấp TT:** 27/01/2021

**3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công mở.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công mở.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập mở.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công đóng.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 20 vị trí

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Cần cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh C19.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào

### Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<b>QCVN 08:2015 A1</b>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<b>QCVN 08:2015 A2</b>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<b>QCVN 08:2015 B1</b>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<b>QCVN 08:2015 B2</b>				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 66%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, cống mở lấy nước vào, trạm bơm đang hoạt động, bơm lấy nước tưới.	7.46	29	6.42	0.1	0.047	0.230	167	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động,</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			Nước màu nâu đục.								thực vật thủy sinh.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 59%, gió BTB 11 km/h, mật độ mây 100%. Cống mở lấy nước vào, trạm bơm tại thời điểm lấy mẫu dừng lấy nước, không hoạt động. Nước màu xanh.	7.25	28.9	6.8	0.1	0.078	0.171	170	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 74%, gió TB 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy nhanh, cống mở lấy nước vào, trạm bơm đang hoạt động. Nước màu xanh.	7.2	30.7	6.72	0.1	0.117	0.140	197	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 71%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 100%. Cống mở lấy nước vào, trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.	7.23	27.2	6.29	0.1	0.132	0.133	171	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
											sinh.
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 65%, gió Bắc 16 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy nhanh, cống mở lấy nước từ sông Đáy vào, trạm bơm đang bơm lấy nước tưới. Nước màu nâu đục.	7.25	64.4	6.14	0.3	0.389	1.778	384	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 65%, gió Bắc 14 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mực nước ngoài sông thấp hơn. Nước màu nâu đục.	7.22	51.9	6.28	0.2	0.101	0.833	359	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 66%, gió Bắc 14 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động, mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Nước màu nâu đục.	7.27	54.9	6.1	0.2	0.093	0.923	328	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 64%, gió BĐB 8 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu đang làm lại cầu mới. Nước màu xanh lục.	7.17	29.2	6.4	0.2	0.109	0.833	268	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 73%, gió TB 3 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Nước màu nâu đục.	7.36	38.8	6.2	0.1	0.124	0.630	162	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 60%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Nước màu xanh lục.	6.9	20.7	5.26	0.2	0.155	0.900	302	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	Cầu đường	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 65%, gió	6.97	15.4	6.2	0.2	0.109	0.428	340	<b>Đủ điều kiện</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
	10 với sông Sắt	sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	BĐB 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Trên sông nhiều bèo. Nước màu xanh lục.								<b>dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 67%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm qua đập sang sông Sắt, đập mở, mực nước cao. Nước màu nâu đục.	6.89	20.9	5.6	0.2	0.124	0.608	255	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời mưa phùn nhỏ, t° = 18°C, độ ẩm 63%, gió Bắc 16 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, cống đóng, thời điểm lấy mẫu trạm bơm đang không hoạt động, không lấy nước tưới. Nước màu xanh lục.	7	6.5	5.1	0.1	0.109	1.418	234	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 62%, gió BTB 10 km/h, mật độ	7.15	24.7	5.2	0.2	0.155	0.182	315	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới,</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	mây 100%. Dòng chảy chậm, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.								<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 61%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu. Nước màu xanh lục.	6.85	18.2	5.6	0.3	0.264	1.530	381	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
16	Đập Vũa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 60%, gió BTB 11 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	6.91	23.7	4.2	0.2	0.365	0.461	405	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	Cầu Chủ (sông Châu	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 67%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 100%.	6.92	15.8	5.76	0.1	0.132	1.350	237	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15			
	Giang)		Dòng chảy chậm từ Hữu Bị về, mực nước cao. Khu vực lấy mẫu đang làm cầu mới. Nước màu xanh lục.									<b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 64%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, nước đứng, mực nước cao. Trên kênh nhiều bèo. Nước màu nâu đục.	7.25	49.7	6.05	0.2	0.132	1.193	337	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>	
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 69%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Khu vực lấy mẫu đang lấy nước đổ ải. Nước màu xanh lục.	6.97	14.9	4.3	1.3	0.319	8.145	1630	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>	
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 67%, gió Bắc 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Bên tả kênh	7.02	25	5.8	0.2	0.132	0.709	267	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Không đủ điều</b>	



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			đã kê xong. Nước màu xanh lục, đục.								<b>kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2015 A1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

**QCVN 08:2015 A2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

**QCVN 08:2015 B1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

**QCVN 08:2015 B2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2021*

**ĐƠN VỊ QUAN TRẮC**